

Số: 47 /QĐ-ĐHCNĐN

Đồng Nai, ngày 16 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án đổi mới hoạt động
của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai giai đoạn 2016-2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Điều lệ trường Đại học được ban hành tại Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai;

Xét đề nghị của Hội đồng Sư phạm Nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đổi mới hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi tắt là Đề án).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị của Trường căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phối hợp thực hiện Quyết định này, xây dựng kế hoạch thực hiện theo từng nội dung. Quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc các đơn vị tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng được phân công phụ trách (thông qua Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục) để có hướng giải quyết.

2. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục giám sát việc triển khai thực hiện Quyết định, thường xuyên báo cáo Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng được phân công phụ trách về tiến độ thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Sở GD&ĐT;
- Hội đồng quản trị;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT.



TS. Phan Ngọc Sơn

ĐỀ ÁN

Đổi mới hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai (được phê duyệt theo Quyết định số 47/QĐ-ĐHCNĐN ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Hiệu trưởng)

Phần 1. Mở đầu

1. Sự cần thiết

Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo ra những cơ hội cho ngành giáo dục Việt Nam phát huy lợi thế so sánh về nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, cùng với sự thay đổi các chính sách về cải cách giáo dục và đào tạo của Việt Nam trong thời gian qua nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội và của người học, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển chung của các nước trong khu vực và trên thế giới đã phác họa một bức tranh tổng thể trong điều kiện hiện nay nhằm định hướng phát triển toàn diện ngành giáo dục ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

Khi chính sách cởi mở được áp dụng, các quốc gia trên thế giới được quyền tham gia vào thị trường giáo dục ở Việt Nam thì cuộc cạnh tranh sẽ ngày càng trở nên khốc liệt hơn. Như vậy, chỉ có sự đổi mới đúng đắn, kịp thời, xác định tầm nhìn mang tính chiến lược mới được xem là phương thuốc hữu hiệu nhất để tồn tại và phát triển bền vững.

Qua 10 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai (DNTU) đã đạt được những thành tựu đáng kể, trong đó cơ sở vật chất được xem là nhân tố nổi bật, đầu tư với quy mô lớn và hiện đại, các văn bản quy định được thiết lập có hệ thống đã và đang áp dụng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và cải thiện đáng kể nếp sống văn hóa của Nhà trường. Điều đó có thể tự khẳng định vị thế của mình trong giai đoạn vừa qua tại tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận. Tuy nhiên, đứng trước một viễn cảnh với bao nhiêu cơ hội và thách thức hiện ra trước mắt không cho phép chúng ta bằng lòng với những gì đang có, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi Việt Nam vừa tham gia TPP và tầm nhìn mang tính chiến lược của Nhà trường đến năm 2020. Để từ đó chúng ta tiếp tục đổi mới, khẳng định một tâm thế mới để phát triển bền vững, ổn định về số lượng sinh viên và nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo lợi thế cạnh tranh.

Nhìn lại thực trạng hoạt động trong những năm qua, chúng ta thấy rằng Nhà trường còn nhiều hạn chế về quản lý và điều hành trong hầu hết các lĩnh vực quan trọng. Phương thức quản lý cũ chỉ phù hợp với giai đoạn trước và sẽ không còn phù hợp trong giai đoạn hiện nay cũng như trong thời gian tới. Những hạn chế nổi bật đáng quan tâm đó là: cơ cấu tổ chức bộ máy chưa phù hợp với những hoạt động chung của Nhà trường; quản lý đào tạo chưa được quan tâm thực hiện triệt để và đúng quy trình trong việc thiết lập, thực thi, giám sát và đánh giá các hoạt động để thấy được những bất cập nhằm đề xuất những giải pháp thiết thực, chấn chỉnh kịp thời ở tất cả các lĩnh vực liên quan đến chất lượng đào tạo.

Có thể nói, nếu không kịp thời đổi mới, chúng ta sẽ tiếp tục phải đối mặt với những thách thức trên các khía cạnh cụ thể sau:

Một là, cơ cấu tổ chức quản trị cấp cao, cấp trung gian và cấp cơ sở chưa được bố trí hợp lý về số lượng, trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, ý thức đạo đức trách nhiệm dẫn đến việc thực hiện một số chức năng nhiệm vụ còn nặng về hình thức, thực thi chỉ mang tính chiếu lệ, đối phó, thiếu sự tham gia giám sát và đánh giá trong một số lĩnh vực then chốt.

Hai là, quản lý hoạt động đào tạo còn hời hợt, việc phân công thực hiện chức năng nhiệm vụ không rõ ràng, dẫn đến tình trạng thực hiện các hoạt động trong mỗi nhiệm vụ còn tùy tiện và không có quy trình cụ thể. Chưa đi sâu, đi sát để theo dõi và kiểm tra cụ thể các hoạt động đào tạo, chưa tham mưu cho BGH định hướng và đề xuất giải pháp cải tiến nhằm từng bước nâng cao hiệu quả đào tạo. Vai trò của Phòng đào tạo mới chỉ dừng lại ở khâu giải quyết các vấn đề mang tính sự vụ mà chưa thực hiện rõ chức năng nhiệm vụ trọng yếu của mình trong quản lý hoạt động đào tạo. Báo cáo hoạt động đào tạo tại các khoa định kỳ mỗi năm chỉ 01 lần là khoảng thời gian quá dài, không thể kịp thời chấn chỉnh các hoạt động thường xuyên và định kỳ của các học kỳ trong một niên học. Đối với chương trình đào tạo vẫn còn rập khuôn, chưa được hiệu chỉnh để phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, tổ chức.

Chương trình đào tạo của một số chuyên ngành tuy có thay đổi đôi chút qua các năm, nhưng thực tế chỉ thay đổi theo cảm tính mà thiếu sự phân tích chuyên sâu về định lượng theo nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội. Chưa bám sát mục tiêu chương trình đào tạo cho từng chuyên ngành để kịp thời điều chỉnh nội dung và cấu trúc chương trình cho phù hợp với chuẩn đầu ra mà mỗi chuyên ngành đã cam kết cung cấp cho người học về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Giáo trình, tài liệu và đề cương chi tiết các môn học cũng chưa được cập nhật kịp thời ở một số chuyên ngành.

Ba là, hầu hết đội ngũ giảng viên với tuổi đời còn trẻ, tuy năng động nhưng kinh nghiệm còn thiếu và kỹ năng thực hành còn yếu. Về cơ bản đáp ứng yêu cầu về mặt số lượng, nhưng chất lượng còn ở mức trung bình, một số trường hợp dưới trung bình, chưa bảo đảm trong việc nâng cao lợi thế cạnh tranh và năng lực giảng dạy trong xu thế xã hội ngày một phát triển. Phần lớn giảng viên chưa thực sự quan tâm đầu tư sâu cho chuyên môn, đặc biệt là việc tự học và tự nghiên cứu để nâng cao trình độ giảng dạy vẫn đang còn xem nhẹ. Giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ công tác giảng dạy của giảng viên chưa được đầu tư, có sao dùng vậy, nhiều giáo trình tài liệu đã lỗi thời nhưng không được cập nhật cho phù hợp với yêu cầu giảng dạy. Phương pháp giảng dạy còn nặng về lý thuyết và thiếu quan tâm đến thực hành. Tinh thần phục vụ sinh viên và thái độ đề cao trách nhiệm của một số giảng viên chưa cao. Tương tác giữa thầy và trò còn nhiều cách biệt, thiếu tính thân thiện và gần gũi, chưa thật tâm huyết và tận tâm với nghề giáo. Hầu hết giảng viên chưa hướng dẫn cho sinh viên cách tự học, tự nghiên cứu dẫn đến tình trạng sinh viên thụ động trong học tập, thiếu tư duy sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng.

Bốn là, công tác đảm bảo chất lượng giáo dục chưa được nhân rộng và quan tâm đúng mức, mặc dù đã đề ra những quy định để thực hiện việc đánh giá các tiêu chí trong các tiêu chuẩn liên quan đến các hoạt động quản lý đào tạo của Nhà trường, tuy nhiên chủ yếu vẫn còn mang tính đối phó, chưa thực sự đi sâu đi sát để đánh giá những yếu tố ảnh hưởng nhằm từng bước điều chỉnh các hoạt động đạt kết quả.

Năm là, việc thanh tra, kiểm tra các hoạt động đào tạo chưa được mở rộng, mới chỉ dừng lại ở khâu giám sát việc chấp hành nội quy, quy định của Nhà trường. Công tác

kiểm tra giám sát các hoạt động liên quan đến giảng dạy của cán bộ giảng viên và học tập của sinh viên chưa được thực hiện.

Sáu là, hoạt động nghiên cứu khoa học chưa được triển khai đồng bộ, các khoa hướng ứng còn yếu ớt và rời rạc, chưa phát huy tính tích cực để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu phát triển tương xứng với tầm cỡ một trường đại học đúng nghĩa, đặc biệt là các đề tài nghiên cứu ứng dụng cũng chỉ thực hiện ở mức độ đáp ứng yêu cầu thực hành, chưa thực sự có những phát minh, cải tiến đáng kể để nâng cao hiệu suất ứng dụng.

Bảy là, công tác tuyển sinh được Nhà trường đặc biệt quan tâm trong những năm qua. Tuy nhiên, ngoài một số cán bộ giảng viên ý thức được sự tồn tại và phát triển của Nhà trường đã tham gia hướng ứng tích cực thì một bộ phận cán bộ giảng viên vẫn coi nhẹ các hoạt động tuyển sinh, cho đây không phải là nhiệm vụ của mình.

Để thực hiện thành công chiến lược phát triển Nhà trường từ nay đến 2020, nhằm bảo toàn sự tồn tại và phát triển bền vững trong điều kiện đổi mới, theo kịp với đà tiến của nền giáo dục Việt Nam và khu vực, Nhà trường cần phải đổi mới toàn diện. Đây được xem là nhiệm vụ trọng tâm nhằm xác định vị thế của DNTU trên thị trường giáo dục Việt Nam và khu vực trong tương lai.

Thực tế cho thấy, cạnh tranh giữa các trường đại học ngày càng trở nên gay gắt và khốc liệt hơn lúc nào hết, đặc biệt trong viễn cảnh tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trong tương lai đòi hỏi trình độ quản lý phải đồng bộ, chuyên môn hóa ngày càng cao, đặc biệt nâng tầm đội ngũ cán bộ chuyên trách và đội ngũ giảng viên mới có thể đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Chính vì vậy, đổi mới hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai cần thể hiện rõ sứ mạng, có tầm nhìn chiến lược của thời đại là điều không thể chậm trễ trong bối cảnh đổi mới nền giáo dục Việt Nam hiện nay để hội nhập với nền giáo dục trên thế giới.

2. Mục tiêu

2.1 Mục tiêu chung

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai chủ động huy động, sử dụng hợp lý, hiệu quả nhất các nguồn lực của Trường và xã hội để phát triển Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai thành một trường đại học định hướng ứng dụng có chất lượng ở trong khu vực và trên thế giới; đồng thời bảo đảm các đối tượng có nhu cầu học tập có cơ hội tiếp cận tốt nhất các chương trình đào tạo của DNTU.

2.2 Mục tiêu cụ thể

a) Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện, trên cơ sở tình hình hoạt động thực tế của Nhà trường nhằm tăng cường sự chủ động, nâng cao hiệu quả trên tất cả các mặt đào tạo, nghiên cứu, hợp tác quốc tế, tài chính và nhân sự cho Nhà trường.

b) Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên; bảo đảm chất lượng đầu ra của sinh viên tốt nghiệp theo cam kết với xã hội.

c) Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận chương trình của các nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới và theo định hướng đổi mới giáo dục, đào tạo của Việt Nam, phù hợp với nhu cầu của các nhà tuyển dụng.

d) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học gồm: nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, có sản phẩm là bằng sáng chế hoặc cải tiến sáng chế, bài báo được công bố quốc tế và công trình nghiên cứu chuyên giao công nghệ được ứng dụng vào thực tiễn.

đ) Tiếp tục phát triển nhanh, đồng bộ, hiện đại cơ sở vật chất của Trường; xây dựng và phát triển hệ thống phòng thí nghiệm, thư viện, trung tâm khoa học - công nghệ theo tiêu chuẩn của các nước có nền giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

e) Tăng cường các nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ, triển khai chuyển giao kết quả nghiên cứu, các chương trình đào tạo ngắn hạn. Chú trọng việc cải thiện và nâng cao đời sống, thu nhập của cán bộ, giảng viên và người lao động của Nhà trường.

g) Thực hiện chính sách học bổng, khuyến khích học tập và các chính sách hỗ trợ sinh viên; tạo điều kiện thuận lợi để các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được tiếp cận với các chương trình đào tạo của Nhà trường.

h) Phát triển quy mô đào tạo một cách hợp lý, phù hợp với nguồn lực của Nhà trường; chú trọng đào tạo sau đại học, mở các lớp tiên tiến, liên kết đào tạo quốc tế, các chương trình chất lượng cao và đào tạo theo đơn đặt hàng.

Phần 2. Nội dung đổi mới hoạt động – triển khai thực hiện

1. Thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học

1.1. Chương trình đào tạo đại học, cao đẳng

a) Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo bảo đảm chuẩn đầu ra đạt mục tiêu kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học sau khi tốt nghiệp; nâng cao tư duy sáng tạo, tự nghiên cứu, đạt trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng tốt nhu cầu của nhà tuyển dụng, cụ thể:

- Chương trình đào tạo bậc đại học chính quy không quá 144 tín chỉ đã bao gồm học phần GDTC và GDQP (đối với các ngành đặc thù không quá 160 TC); Chương trình đào tạo cao đẳng chính quy không quá 105 tín chỉ đã bao gồm học phần GDTC và GDQP (đối với các ngành đặc thù không quá 110 TC), tập trung điều chỉnh các học phần đại cương và tiếng Anh cho phù hợp;

- Chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học, từ trung cấp lên cao đẳng không quá 50 tín chỉ (đối với các ngành đặc thù không quá 55 TC); Chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên đại học không quá 90 tín chỉ (đối với các ngành đặc thù không quá 100 TC);

- Tập trung đào tạo tiếng Anh cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất, triển khai các hoạt động nhằm hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên trong suốt quá trình học; đảm bảo trình độ tiếng Anh của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường đáp ứng cơ bản yêu cầu của doanh nghiệp đối với từng ngành đào tạo;

- Triển khai xây dựng chương trình đào tạo tiên tiến và mở các lớp đào tạo tiên tiến ở một số ngành như: Ngôn ngữ Anh, Quản trị Nhà hàng - Khách sạn, Kế toán trong năm 2016.

b) Triển khai thực hiện

- Các Khoa có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo chính quy, liên thông theo định hướng tại mục a, gửi cho Hội đồng Khoa học và Đào tạo (gọi tắt là Hội đồng Khoa học) của Nhà trường trước ngày 15/4/2016.

Hội đồng Khoa học hoàn thành việc thẩm định, trình Hiệu trưởng phê duyệt trước ngày 30/6/2016 (kể cả trường hợp yêu cầu các khoa điều chỉnh bổ sung).

- Khoa Ngoại ngữ chủ trì phối hợp với các khoa, Trung tâm Ngoại ngữ rà soát, điều chỉnh các học phần tiếng Anh theo hướng tập trung đào tạo tiếng Anh cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất (hoàn thành trước ngày 15/4/2016), triển khai các hoạt động nhằm hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên trong suốt quá trình học, tăng cường hoạt động của Câu lạc bộ tiếng Anh, các cuộc thi, các hội thảo nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Anh, phát động ngày sử dụng tiếng Anh trong Nhà trường...;

- Trung tâm Thông tin - Thư viện phối hợp cùng các khoa rà soát bổ sung giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập, đảm bảo đáp ứng tốt cho việc tăng cường hoạt động tự nghiên cứu, học tập của sinh viên, hoàn thành trước ngày 30/8/2016;

- Các Khoa Kế toán – Tài chính, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Quản trị triển khai xây dựng chương trình đào tạo tiên tiến, trình Hội đồng Khoa học thẩm định, trình Hiệu trưởng phê duyệt theo lộ trình chậm nhất đến tháng 7/2016, đảm bảo mở một lớp tiên tiến ở mỗi chuyên ngành nêu trên trong năm học 2016-2017.

1.2. Đào tạo sau đại học

a) Tập trung triển khai đào tạo các bậc sau đại học ở trình độ thạc sỹ, tiến sỹ, cụ thể:

- Trong năm 2016, mở 2 chuyên ngành đào tạo ở trình độ thạc sỹ; giai đoạn từ 2017 đến 2020 mỗi năm mở thêm từ 1 đến 2 chuyên ngành đào tạo ở trình độ thạc sỹ;

- Đến năm 2020 mở thêm các chuyên ngành đào tạo ở trình độ tiến sỹ.

b) Triển khai thực hiện

- Viện IRAST chủ trì tham mưu cho Hiệu trưởng về mở ngành đào tạo sau đại học theo lộ trình;

- Các khoa chuyên ngành phối hợp cùng Viện IRAST hoàn tất hồ sơ mở ngành;

- Phòng Tổ chức nhân sự phối hợp cùng Viện IRAST đề xuất thành lập Phòng Đào tạo sau đại học trình Hiệu trưởng phê duyệt trước ngày 30/5/2016;

1.3. Nghiên cứu khoa học

a) Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật, coi công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật là một trong những khâu đột phá trong chiến lược phát triển của Nhà trường, cụ thể:

- Từ năm 2017 trở đi, có ít nhất 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh/năm; kể từ 2019 trở đi, mỗi năm có ít nhất một đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ trở lên và triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học với đối tác ngoài nước; năm 2020, tạo nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và ứng dụng khoa học kỹ thuật.

- Cán bộ, giảng viên phải đảm bảo thực hiện định mức nghiên cứu khoa học; khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học có tính ứng dụng cao;

- Khuyến khích cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật;

- Giai đoạn 2016 – 2020, ưu tiên đầu tư tài chính trong lĩnh vực hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật.

b) Triển khai thực hiện

- Viện nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ (IRAST) hướng dẫn, theo dõi và đánh giá kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật theo quy chế; xây dựng các biểu mẫu, quy trình phục vụ hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật. Chủ trì triển khai việc liên kết nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ;

- Định kỳ vào ngày 15/8 hàng năm, cán bộ, giảng viên đăng ký các đề tài nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật cho năm học tới, báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học của mỗi năm học trước ngày 30/6 cho Viện IRAST;

- Trước ngày 05/7 hàng năm, Viện IRAST chuyển kết quả đánh giá công tác nghiên cứu khoa học của từng cá nhân để báo cáo Ban giám hiệu và chuyển Phòng TCNS theo dõi việc thực hiện nghĩa vụ của mỗi cá nhân theo quy định;

- Phòng Kế hoạch – Tài chính tham mưu cho Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng cân đối nguồn kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học kỹ thuật hằng năm, quản lý thu, chi tài chính cho các hoạt động này.

2. Công tác quản lý học vụ

a) Đổi mới công tác quản lý học vụ theo hướng tập trung, một cửa, đơn giản về thủ tục hành chính, nâng cao tính khoa học, minh bạch và trách nhiệm của cán bộ thực thi, tất cả hoạt động hướng đến phục vụ tốt nhất cho người học, cụ thể:

- Tập trung công tác giáo vụ, công tác cố vấn học tập về Phòng Đào tạo;

- Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ sinh viên chủ yếu tập trung đầu mối là Phòng Đào tạo và một số bộ phận khác có liên quan;

- Nâng cao ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý học vụ.

b) Triển khai thực hiện

- Giáo vụ các khoa được điều động biên chế thuộc Phòng Đào tạo kể từ ngày 15/5/2016;

- Các khoa rà soát các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của giáo vụ khoa, cố vấn học tập trước ngày 07/5/2016 và bàn giao cho Phòng Đào tạo chậm nhất là ngày 20/5/2016;

- Phòng Thanh tra GD&QLHSSV rà soát chuyển giao công tác xác nhận văn bằng, chứng chỉ của DNTU, hồ sơ sinh viên nhập học (sau khi đã kiểm tra, nhập dữ liệu hồ sơ), sổ sách liên quan; công tác khen thưởng, cấp học bổng SV cho Phòng Đào tạo chậm nhất là ngày 01/6/2016;

- Phòng Đào tạo xây dựng quy trình, trình tự, thủ tục cho các hoạt động, các dịch vụ phụ vụ và hỗ trợ sinh viên trình Hiệu trưởng thông qua trước ngày 30/7/2016, triển khai phổ biến trong toàn Trường trước ngày 30/8/2016;

- Phòng Đào tạo phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng nhân viên thuộc phòng, thông báo trong toàn Trường trước ngày 30/5/2016; hoàn thành việc tập huấn nghiệp vụ cho nhân viên trước ngày 15/6/2016;

- Việc triển khai chạy thử (demo) phần mềm quản lý học vụ mới (các đơn vị được phân công) hoàn thành trước ngày 30/5/2016;

- Phòng Đào tạo triển khai thực hiện hệ thống quản lý thi bằng dấu vân tay trước ngày 30/8/2016;

- Phòng Đào tạo phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm hoàn tất việc tập huấn sử dụng phần mềm mới trong toàn Trường trước ngày 01/7/2016;

- Phòng Tổ chức nhân sự tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc sắp xếp cơ cấu tổ chức, điều chuyển nhân sự trước ngày 15/5/2016;

- Phòng Tổ chức nhân sự phối hợp với Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra GD&QLHSSV, các khoa tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị liên quan, hoàn thành trước ngày 30/5/2016;

- Phòng HCTH, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai việc xây dựng, sắp xếp nơi làm việc, trang thiết bị phục vụ công tác cho Phòng Đào tạo, Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng Thanh tra GD&QLHSSV, Trung tâm ngoại ngữ... theo từng tiến độ và hoàn thành tất cả trước ngày 15/6/2016;

3. Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Đẩy mạnh công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục, đổi mới từng bước công tác khảo thí theo hướng:

- Đảm bảo tính khách quan, công bằng, bảo mật, độc lập và minh bạch giữa các khâu ra đề thi, coi thi, chấm thi, định kỳ triển khai việc rà soát nâng cao chất lượng ngân hàng đề thi;

- Đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, tăng cường đánh giá các hoạt động của từng khâu công tác trong toàn Trường, đảm bảo các nội dung công tác được thực hiện đúng thẩm quyền, quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn và đối tượng; các kế hoạch triển khai thực hiện đúng tiến độ, đạt hiệu quả cao, cụ thể:

+ Tăng cường đội ngũ làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục cả về năng lực chuyên môn và số lượng;

+ Mọi hoạt động trong Trường đều được giám sát việc triển khai, thực hiện đúng tiến độ;

+ Tiến hành đánh giá nội bộ DNTU trong năm 2016;

+ Đăng ký đánh giá ngoài trong năm 2018.

b) Triển khai thực hiện

- Phòng TCNS tiến hành thủ tục tuyển dụng bổ sung nhân sự và đề xuất kế hoạch đào tạo cho nhân sự Phòng KT&ĐBCLGD trình Hiệu trưởng phê duyệt trước ngày 30/5/2016;

- Phòng KT&ĐBCLGD rà soát xây dựng quy trình, thủ tục công tác khảo thí, công tác giám sát đảm bảo chất lượng giáo dục trong toàn Trường trình Hiệu trưởng phê duyệt trước ngày 30/7/2016;

- Các đơn vị báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị mình theo quy định, đồng thời chịu sự giám sát của Phòng KT&ĐBCLGD;

- Phòng KT&ĐBCLGD chủ trì triển khai hoạt động đánh giá nội bộ trong năm 2016 và tham mưu cho BGH đăng ký đánh giá ngoài theo lộ trình trong năm 2018.

4. Tổ chức, bộ máy nhân sự

a) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, thành lập mới, sát nhập, chia, tách, các đơn vị nhằm phát huy hiệu quả hoạt động của bộ máy tổ chức, cụ thể:

- Thuyên chuyển và bổ nhiệm nhân sự vào vị trí phù hợp trong các phòng chức năng; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng; đồng thời bảo đảm tính cạnh tranh và có tính đến các đối tượng ưu tiên theo quy định của Nhà trường.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy đủ về số lượng, có tâm, có tầm, có kỹ năng sư phạm để thực hiện tốt vai trò giảng dạy và nghiên cứu khoa học, cụ thể:

- Cán bộ tham gia giảng dạy phải có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong việc thực hiện Quy chế văn hóa công sở của Nhà trường;

- + Có trình độ từ thạc sỹ trở lên (trừ một số học phần đặc thù), có kỹ năng sư phạm, có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực giảng dạy từ 02 năm trở lên. Hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác. Đối với cán bộ giảng dạy tham gia đào tạo sau đại học phải có trình độ từ tiến sỹ trở lên;

- + Đến năm 2020, có 100% cán bộ giảng dạy đạt trình độ sau đại học. Trong đó, 20% cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sỹ trở lên.

- + Cán bộ giảng dạy được đánh giá, xếp ngạch, bậc và hưởng các chế độ theo ngạch bậc;

- Hàng năm, Nhà trường dành từ 1,5 tỷ đồng đến 02 tỷ đồng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên.

b) Triển khai thực hiện

- Phòng TCNS chủ trì phối hợp với các đơn vị rà soát đội ngũ nhân sự, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị tham mưu cho Hiệu trưởng thuyên chuyển, bổ nhiệm nhân sự, điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ của các đơn vị liên quan đáp ứng yêu cầu theo đề án, phát huy hiệu quả nguồn lực của Nhà trường, hoàn thành trước ngày 30/6/2016;

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quy định về tiêu chuẩn, điều kiện đánh giá, xếp ngạch, bậc cán bộ tham gia giảng dạy trước ngày 30/8/2016.

- Phòng Tổ chức nhân sự, Phòng Kế hoạch – Tài chính cùng phối hợp xây dựng chế độ, chính sách cho cán bộ giảng dạy theo ngạch, bậc trình Hiệu trưởng phê duyệt trước ngày 30/10/2016.

- Trước ngày 30/3 hàng năm, các khoa gửi kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng dạy cho Phòng TCNS để trình Hiệu trưởng phê duyệt trước ngày 15/4. Việc xét đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng dạy được thực hiện công khai.

- Từ tháng 8 năm 2016, khoảng 6 tháng một lần, Nhà trường cử một nhóm khoảng 05 cán bộ đi nghiên cứu, học tập thực tế về phương pháp giảng dạy, công tác quản lý ở nước ngoài bằng nguồn kinh phí của Nhà trường, từ nguồn tài trợ (nếu có) và một phần của cá nhân. Việc tham gia nghiên cứu, học tập thực tế ở nước ngoài là bắt buộc đối với cán bộ, giảng viên khi được chỉ định tham gia.

Phòng Hợp tác Quốc tế phụ trách kết nối và tiến hành các thủ tục cho các nhóm; báo cáo kết quả học tập của từng nhóm cho Hiệu trưởng.

- Các khoa có trách nhiệm rà soát, cử cán bộ giảng dạy tham gia học tiến sỹ, hoặc tuyển dụng bổ sung, đảm bảo đến năm 2020 mỗi ngành đào tạo bổ sung ít nhất hai tiến sỹ đúng chuyên ngành. Từ năm 2016, mỗi năm có từ 02 – 04 cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu sinh.

- Hàng năm, Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị đánh giá cán bộ, giảng viên, gửi Hội đồng thi đua khen thưởng (trước ngày 30/8 hàng năm, đánh giá theo năm học) để xem xét xếp loại trước ngày 15/10 hàng năm;

- Phòng Kế hoạch – Tài chính tham mưu cho Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng cân đối nguồn kinh phí đào tạo bồi dưỡng cán bộ giảng dạy.

5. Hoạt động hợp tác quốc tế

a) Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế, trong đó trọng tâm là liên kết trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy, trao đổi sinh viên, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các tổ chức nước ngoài, cụ thể:

- Tăng cường hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ với các tổ chức chủ yếu thuộc các nước như: Mỹ, Hàn Quốc, Hà Lan, Úc, Đức, Thái Lan, Malaysia,... ;

- Hằng năm, kết nối và triển khai hoạt động liên kết đào tạo, chuyển giao công nghệ với ít nhất 03 tổ chức nước ngoài;

b) Triển khai thực hiện

- Phòng Hợp tác quốc tế tham mưu cho Hiệu trưởng các lĩnh vực và các đối tác liên kết quốc tế; làm đầu mối tiến hành các thủ tục về hoạt động hợp tác quốc tế; thực hiện các thủ tục lưu trú cho người nước ngoài;

- Các khoa, các đơn vị phối hợp triển khai hoạt động hợp tác quốc tế theo kế hoạch của Phòng Hợp tác quốc tế được Hiệu trưởng phê duyệt;

6. Tài chính

6.1. Học phí

Thu học phí ổn định theo kế hoạch nêu trong Đề án như sau:

- Năm học 2016 – 2017, mức thu từ 14,5 đến 15,5 triệu đồng/01 năm học đối với chương trình đào tạo đại học, cao đẳng; lộ trình các năm tiếp theo tăng từ 10% đến 15% tùy theo tình hình nhu cầu đào tạo của Nhà trường và biến động thời giá thị trường;

Thực hiện tính toán và công khai mức thu học phí cụ thể cho từng nhóm ngành, nghề, chương trình đào tạo trước khi tuyển sinh;

- Mức thu học phí đối với các trình độ đào tạo khác: đào tạo trình độ tiến sỹ là 3 lần; thạc sỹ là 2 lần so với mức học phí bình quân tối đa nêu trên, các chương trình đào tạo khác thì mức học phí theo quy định của Nhà trường;

- Đối với các đối tượng đã nhập học trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, Nhà trường thu học phí với mức tăng tối đa 15% so với năm trước.

6.2. Thu khác

Nhà trường thực hiện các hoạt động dịch vụ gia tăng, nguồn thu tài trợ từ các tổ chức, cá nhân để nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường. Các khoản thu từ những hoạt động này được công khai trên cơ sở lấy thu bù chi và tích lũy hợp lý.

6.3. Tiền lương và thu nhập

Ngoài tiền lương ngạch, bậc theo quy định, Nhà trường quyết định thu nhập tăng thêm của người lao động từ nguồn chênh lệch thu - chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ, các nguồn thu nhập hợp pháp khác (nếu có) trên cơ sở công bằng và minh bạch.

6.4. Sử dụng nguồn thu

- Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong lập kế hoạch và quyết định sử dụng kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp của Nhà trường để tiếp tục đầu tư mở rộng cơ sở vật chất, đào tạo nhân lực và bảo đảm chất lượng đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ;

- Sau khi thực hiện bù đắp các chi phí thường xuyên, phần chênh lệch thu - chi còn lại của Nhà trường được trích lập các quỹ: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (trích tối thiểu 25% chênh lệch thu - chi), quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ dự phòng ổn định thu nhập và quỹ hỗ trợ sinh viên.

6.5. Triển khai thực hiện

Phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện quản lý thu - chi, xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm đề xuất Hiệu trưởng trình Hội đồng quản trị thông qua; trích lập các quỹ (thu nhập sau thuế) sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt.

7. Chính sách học bổng, học phí

a) Ngoài các đối tượng được miễn, giảm học phí theo chính sách của Nhà nước, Nhà trường xây dựng, thực hiện chính sách học bổng, khuyến khích học tập dành cho sinh viên học tập xuất sắc, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vượt khó học giỏi.

b) Triển khai thực hiện

Phòng Đào tạo chủ trì phối hợp với các khoa, Phòng Thanh tra GD&QLHSSV, Đoàn Trường tổ chức rà soát, đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của sinh viên trình Hội đồng khen thưởng xét duyệt, đề xuất Hiệu trưởng quyết định cấp học bổng, hoàn thành trước ngày 30/9 hàng năm.

Định kỳ từng học kỳ tiến hành thủ tục xét miễn, giảm học phí đối với các trường hợp được phê duyệt.

8. Đầu tư, cơ sở vật chất, trang thiết bị

a) Nhà trường chủ động cân đối nguồn thu và huy động các nguồn hợp pháp khác để đầu tư phát triển tổng thể cơ sở vật chất theo mô hình trường đại học hiện đại, theo định hướng ứng dụng. Sử dụng tài sản, cơ sở vật chất và giá trị thương hiệu của Nhà trường để liên doanh, liên kết thực hiện các hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của Nhà trường.

b) Triển khai thực hiện

Các đơn vị chủ động tham mưu trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị trước ngày 30/8 hàng năm.

Phòng KH-TC giám sát, thực hiện quản lý thu, chi theo kế hoạch được duyệt của từng đơn vị.

9. Về thực hiện văn hóa DNTU

a) Đẩy mạnh phong trào thi đua gương mẫu thực hiện văn hóa DNTU, đưa văn hóa DNTU trở thành một trong những sắc thái nổi bật của Nhà trường.

b) Triển khai thực hiện

- Ban Giám hiệu, các cán bộ quản lý phải gương mẫu trong việc thực hiện Quy chế văn hóa DNTU (đảm bảo giờ giấc, tác phong làm việc, giao tiếp, chào hỏi, ứng xử, phát ngôn đúng mực, gương mẫu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trung thực trong công việc, giữ gìn vệ sinh chung,...);

- Các đơn vị báo cáo việc thực hiện Quy chế văn hóa DNTU của đơn vị cho Ban Giám hiệu thông qua Ban Chấp hành công đoàn, chậm nhất vào ngày 31/12 hằng năm;

- Ban Chấp hành Công đoàn, Ban Chấp hành Đoàn Trường phát động phong trào thi đua gương mẫu, thực hiện Quy chế văn hóa DNTU trong toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Phần 3. Tổ chức thực hiện

1. Đề án này được phổ biến, triển khai đến toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên và được niêm yết trên website của DNTU.

2. Các đơn vị của DNTU căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phối hợp xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án của từng đơn vị, đảm bảo tiến độ và hiệu quả thực hiện. Quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc các đơn vị tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng được phân công phụ trách (thông qua Phòng KT&ĐBCLGD) để có hướng giải quyết.

2. Các đơn vị, cá nhân có thành tích trong việc triển khai thực hiện Đề án, được xem xét khen thưởng; đơn vị, cá nhân triển khai thực hiện không đúng tiến độ, không đạt kết quả theo Đề án, tùy theo tính chất, mức độ sẽ xử lý theo quy định của Nhà trường.

3. Phòng KT&ĐBCLGD giám sát việc triển khai thực hiện quyết định, thường xuyên báo cáo Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng được phân công phụ trách về tiến độ thực hiện. Hằng năm, Phòng KT&ĐBCLGD chủ trì tổ chức đánh giá kết quả triển khai Đề án./.



TS. Phan Ngọc Sơn

